

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày 22-3-2018
Vv tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền;
2. Bà Trần Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2018/QĐSTXX-DS ngày 31 tháng 01 năm 2018 Quyết định hoãn phiên tòa số: 376/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L1, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Bích L2, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị L1 trình bày: Bà và bà Võ Thị Bích L2 ở cùng địa phương với nhau. Vào ngày 30

tháng 01 năm 2017, bà Bích L2 có mượn của vợ chồng bà số tiền 210.000.000 đồng. Nguồn gốc tiền vợ chồng bà cho bà Bích L2 mượn là do vợ chồng bà vay của người khác để đáo hạn ngân hàng. Bà Bích L2 biết nguồn gốc tiền vợ chồng bà vay từ người khác nên chấp nhận trả lãi là 4.200.000 đồng/tháng. Bà Bích L2 có hứa khoảng 10 đến 15 ngày sẽ trả số tiền trên nhưng không trả. Đến ngày 24 tháng 5 năm 2017, bà Bích L2 mượn thêm của vợ chồng bà số tiền 10.000.000 đồng. Lúc này bà Bích L2 tính lãi cho khoảng vay 210.000.000 đồng là 33.000.000 đồng nên bà Bích L2 viết giấy nhận nợ số tiền 10.000.000 đồng và 33.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy tổng cộng bà Bích L2 mượn của vợ chồng bà là 220.000.000 đồng. Từ đó đến nay vợ chồng bà đã đòi nhiều lần nhưng bà Bích L2 không trả và còn trốn tránh gặp vợ chồng bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bích L2 trả cho vợ chồng bà số tiền là 220.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất ngân hàng.

Theo bản tự khai cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T trình bày: Ông thống nhất với lời khai của vợ ông là bà Trần Thị L1 về số tiền mà bà Bích L2 nợ vợ chồng ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bích L2 trả cho vợ chồng ông số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ các quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị L1 khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Bích L2 trả khoản tiền từ hợp đồng vay tài sản nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn bà Bích L2 cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt lợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Bích L2 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Bích L2.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của vợ chồng bà L1, ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Bích L2 không đến Tòa hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Xét thấy vợ chồng bà L1, ông T yêu cầu bà Bích L2 trả số nợ gốc là có căn cứ vì theo các chứng cứ bà L1 xuất trình thì giấy nhận mượn tiền ngày 30 tháng 01 năm 2017 thể hiện bà Bích L2 có mượn của vợ chồng bà L1, ông T số tiền 210.000.000 đồng, và giấy viết ngày 24 tháng 5 năm 2017 thể hiện hai cột trong đó cột lãi bốn tháng là 33.000.000 đồng và một cột 10.000.000 đồng không phải là nợ lãi và bà Bích L2 thừa nhận trong giấy này nợ tổng số tiền là 43.000.000 đồng. Tuy giấy mượn tiền ngày 30 tháng 01 năm 2017 không thể hiện thỏa thuận lãi xuất nhưng trên giấy mượn tiền ngày 24 tháng 5 năm 2017 có thể hiện lãi 04 tháng với số tiền 33.000.000 đồng, tương ứng với lãi 3,93%/tháng nhưng thỏa thuận lãi xuất này cao hơn lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chỉ áp dụng mức lãi suất 20%/năm cho khoản vay 210.000.000 đồng với với số tiền lãi phải trả là $20\%/năm \times 210.000.000 \text{ đồng} \times 417 \text{ ngày} = 47.983.500 \text{ đồng}$. Mặc khác, tuy bà L1, ông T cho rằng bà Bích L2 có hẹn 10 đến 15 ngày trả nợ cho khoản vay 10.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ nào chứng minh nên việc yêu cầu tính lãi từ ngày vay tiền là không có căn cứ mà chỉ áp dụng lãi suất từ ngày khởi kiện là ngày 09 tháng 10 năm 2017 với mức lãi suất là 10%/năm cho khoản vay 10.000.000 đồng theo như quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự. Như vậy lãi suất đến ngày xét xử là $10\%/năm \times \text{ngày } 165 \text{ ngày} \times 10.000.000 \text{ đồng} = 452.000 \text{ đồng}$. Do đó, căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015, buộc Bích Liên phải có nghĩa vụ thanh toán một lần cho vợ chồng bà L1, ông T số tiền là 268.435.500 đồng trong đó bao gồm 220.000.000 đồng tiền gốc và 48.435.500 đồng tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Võ Thị Bích L2 phải chịu 268.435.500 đồng $\times 5\% = 13.422.000$ đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của bà L1 được chấp nhận nên bà L1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, các khoản 1, 4, 5 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Buộc bà Võ Thị Bích L2 phải trả cho vợ chồng bà Trần Thị L1, ông Nguyễn Đình T số tiền là 268.435.500 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) trong đó bao gồm 220.000.000 đồng

(hai trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và 48.435.500 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Bà Võ Thị Bích L2 phải chịu 13.422.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị L1 6.325.000 đồng (sáu triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà L1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007003 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiệp